**ĐỀ CƯƠNG VĂN 12**

**PHẦN I: ĐỌC HIỂU**

**Đề 1**

**1. Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi**

“…Đối với tôi, nguyên tắc thành công đến từ một điều cơ bản: sống trong thế chủ

động. Cần gì thì lên tiếng. Muốn thì đấu tranh. Kiến thức do học tập. Thành tựu nhờ lao

động. Chẳng có cái gì trên đời này tự nhiên mà có. Chủ động lèo lái thì mới có cơ may

đưa con thuyền cuộc đời cập bến bờ mơ ước. Dù sóng gió, dông bão xảy ra trên hải trình

vạn dặm, có giữ vững bánh lái, cầm chắc tay chèo thì mới đến được đất liền. Sống mà

không biết tự cứu lấy mình, sống thụ động buông thả thì cũng giống như một con bè trên

dòng nước lớn, để mặc sóng gió xô đâu trôi đó, được chăng hay chớ, rồi sẽ mệt nhoài vì

dông bão cuộc đời. (1)

Cách sống thụ động có nhiều biểu hiện. Như một trường hợp mà tôi từng hỗ trợ

cũng là một kiểu. Khuyến khích đọc sách thì lúc đọc lúc không. Hướng dẫn xong cũng

không biết nói lời cảm ơn. Biết tôi có nhiều sách mà không mở lời mượn. Không bao giờ

chủ động trò chuyện cập nhật tình hình. Đợi khi nào tôi hỏi thăm mới lên tiếng. Nếu tôi

không hỏi cũng không biết em ấy đang gặp khó khăn để tìm cách giúp đỡ.(2)

Nguồn lực trong đời không thiếu. Người tốt ở đời rất nhiều. Không lên tiếng

chẳng ai biết mà giúp. Chẳng xuống nước thì không thể biết bơi. Sống thụ động thì chẳng

khác gì đời cây cỏ. Như thế khác nào tự đào hố chôn mình. Sống ở thế chủ động là chủ

động học tập, chủ động hỏi han, chủ động giúp đỡ người khác, chủ động gợi ý người

khác giúp đỡ mình, chủ động cứu giúp mình. Chứ em không cứu mình thì ai cứu được

em”. (3)

(Trích Rosie Nguyễn, Tuổi trẻ đáng giá bao nhiêu?, NXB Hội nhà văn 2017, tr120- 121)

Câu 1. (0.5 điểm) Xác định thao tác lập luận chính và thao tác kết hợp được sử dụng

trong đoạn văn (1)

Câu 2. (0.5 điểm) Theo tác giả, cách sống thụ động có những biểu hiện nào?

Câu 3. (1.0 điểm) Anh/chị hiểu như thế nào về ý kiến: “Sống mà không biết tự cứu lấy

mình, sống thụ động buông thả thì cũng giống như một con bè trên dòng nước lớn, để

mặc sóng gió xô đâu trôi đó, được chăng hay chớ, rồi sẽ mệt nhoài vì dông bão cuộc đời”.

Câu 4. (1.0 điểm) Anh/chị có đồng tình với quan điểm: “Sống thụ động thì chẳng khác gì

đời cây cỏ. Như thế khác nào tự đào hố chôn mình.” Vì sao?

**2. Làm Văn**

Từ đoạn trích ở phần đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn ngắn không quá 200 chữ, trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của cách ““Sống ở thế chủ động” đối với tuổi trẻ hôm nay.

**Đề 2**

1**. Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi**

“Bản lĩnh là khi bạn dám nghĩ, dám làm và có thái độ sống tốt. Muốn có bản lĩnh bạn cũng phải kiên trì luyện tập. Chúng ta thường yêu thích những người có bản lĩnh sống. Bản lĩnh đúng nghĩa chỉ có được khi bạn biết đặt ra mục tiêu và phương pháp để đạt được mục tiêu đó. Nếu không có phương pháp thì cũng giống như bạn đang nhắm mắt chạy trên con đường có nhiều ổ gà.

Cách thức ở đây cũng rất đơn giản. Đầu tiên, bạn phải xác định được hoàn cảnh và môi trường để bản lĩnh được thể hiện đúng lúc, đúng nơi, không tùy tiện. Thứ hai bạn phải chuẩn bị cho mình những tài sản bổ trợ như sự tự tin, ý chí, nghị lực, quyết tâm… Điều thứ ba vô cùng quan trọng chính là khả năng của bạn. Đó là những kỹ năng đã được trau dồi cùng với vốn tri thức, trải nghiệm. Một người mạnh hay yếu quan trọng là tùy thuộc vào yếu tố này.

Bản lĩnh tốt là vừa phục vụ được mục đích cá nhân vừa có được sự hài lòng từ những người xung quanh. Khi xây dựng được bản lĩnh, bạn không chỉ thể hiện được bản thân mình mà còn được nhiều người thừa nhận và yêu mến hơn.”

(Tuoitre.vn – Xây dựng bản lĩnh cá nhân)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích? (0,5 điểm)

Câu 2. Theo tác giả, thế nào là người bản lĩnh? (0,5 điểm)

Câu 3. Tại sao tác giả cho rằng Bản lĩnh tốt là vừa phục vụ được mục đích cá nhân vừa có được sự hài lòng từ những người xung quanh. (1,0 điểm)

Câu 4. Theo anh/chị, một người có bản lĩnh sống phải là người như thế nào? (1,0 điểm)

**2. Làm văn**

Từ nội dung văn bản phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn ngắn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ về ý kiến: Tuổi trẻ cần sống có bản lĩnh để dám đương đầu với mọi khó khăn thử thách.

**Đề 3 :**

**1. Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi:**

Dù đục, dù trong con sông vẫn chảy

Dù cao, dù thấp cây lá vẫn xanh

Dù người phàm tục hay kẻ tu hành

Đều phải sống từ những điều rất nhỏ.

Ta hay chê rằng cuộc đời méo mó

Sao ta không tròn ngay tự trong tâm?

Đất ấp ôm cho muôn hạt nảy mầm

Những chồi non tự vươn lên tìm ánh sáng

Nếu tất cả đường đời đều trơn láng

Chắc gì ta đã nhận ra ta

Ai trong đời cũng có thể tiến xa

Nếu có khả năng tự mình đứng dậy.

Hạnh phúc cũng như bầu trời này vậy

Đâu chỉ dành cho một riêng ai.

(Tự sự - Lưu Quang Vũ)

Câu1. Xác định 2 phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên.

Câu 2. Anh/chị hiểu thế nào về ý nghĩa 2 câu thơ sau: "Đất ấp ôm cho muôn hạt nảy mầm - Những chồi non tự vươn lên tìm ánh sáng”.

Câu 3. Theo anh/chị, vì sao tác giả nói rằng: "Nếu tất cả đường đời đều trơn láng - Chắc gì ta đã nhận ra ta”.

Câu 4. Thông điệp nào của văn bản trên có ý nghĩa nhất đối với anh/chị?

**2. Làm văn**

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về câu thơ trong văn bản ở phần Đọc hiểu: "Ta hay chê rằng cuộc đời méo mó - Sao ta không tròn ngay tự trong tâm”.

**Đề 4**

**1. Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

THỜI GIAN LÀ VÀNG

Ngạn ngữ có câu: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian

không mua được. Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá.

Thật vậy, thời gian là sự sống. Bạn vào bệnh viện mà xem, người bệnh nặng, nếu kịp thời chạy chữa thì sống, để chậm là chết.

Thời gian là thắng lợi. Bạn hỏi các anh bộ đội mà xem, trong chiến đấu, biết nắm thời cơ, đánh địch đúng lúc là thắng lợi, để mất thời cơ là thất bại.

Thời gian là tiền. Trong kinh doanh, sản xuất hàng hóa đúng lúc là lãi, không đúng lúc là lỗ.

Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.

Thế mới biết, nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho bản thân và cho xã hội. Bỏ phí thời gian thì có hại và về sau hối tiếc cũng không kịp.

(Phương Liên - Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục)

Câu 1. Theo tác giả, thời gian có những giá trị nào?

Câu 2. Xác định và nêu hiệu quả nghệ thuật của một biện pháp tu từ cú pháp trong văn bản?

Câu 3. Theo anh/chị, tại sao tác giả cho rằng: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được?

Câu 4. Thông điệp nào của văn bản trên có ý nghĩa nhất với anh/chị? Vì sao?

**2. Làm văn**

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến được nêu ở phần Đọc - hiểu: “Thời gian là vàng”.

**Đề 5**

**1. Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

Muốn thành người tử tế phải biết xấu hổ. Đó là lời Giáo sư Ngô Bảo Châu, khi kể về một câu chuyện lúc ông học cấp hai. Thầy giáo phát hiện áo mưa của mình xếp trên bàn đã bị cuộn thành quả bóng dưới chân bạn Huy. Khi thầy truy hỏi, chỉ có bạn Huy nhận lỗi. Ông thầy thốt lên: “Tôi rất buồn, vì nhiều người khác không dám nhận lỗi”. Khi đó, Ngô Bảo Châu rất xấu hổ vì làm sai mà không dám nhận. Về sau, ông và vợ mình đều rút ra bài học: muốn thành người tử tế, phải biết xấu hổ.

Tại sao con người cần biết xấu hổ khi làm điều sai, việc xấu, hay nói cách khác, khi phạm lỗi? Câu hỏi này rất quan trọng, vì cách xử sự của một người đối với sự xấu hổ sẽ biểu hiện nhân cách người đó…

Trong quá trình đấu tranh giữa thiện - ác, xấu - tốt trong một con người, sự xấu hổ khi làm điều sai quấy có vai trò đặc biệt. Con người không là thần thánh, nên ai cũng từng lầm lỗi, lớn nhỏ, nặng nhẹ. Sự xấu hổ là cái mà xã hội văn minh gọi là “lương tâm cắn rứt”. Nếu người ta để cho sự xấu hổ chai lỳ đi thì sẽ dần cảm thấy bình thường khi làm điều xấu, ác, và sự tử tế trong người ấy sẽ dần dần biến mất.

Muốn con người trở nên tử tế, hãy dạy cho người đó biết xấu hổ khi làm điều xấu, điều ác. Nhờ biết xấu hổ, người ta sẽ ngần ngại khi phạm lỗi. Nhưng ngay đối với những người đang làm điều sai quấy, cho dù chưa thể chấm dứt ngay hành vi sai trái, sự xấu hổ, cái lương tâm cắn rứt ấy sẽ là lực cản để người ta không dấn sâu hơn vào tội lỗi, và giúp người ta trở lại làm người tử tế vào một lúc nào đó, khi có một cơ hội nào đó.

(Trích Tử tế à, tử tế ơi, hãy quay lại với người Việt! )

Câu 1: Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2: Theo tác giả, sự xấu hổ có những vai trò gì đối với con người?

Câu 3: Anh/chị hiểu như thế nào về câu nói sau: Nếu người ta để cho sự xấu hổ chai lỳ đi thì sẽ dần cảm thấy bình thường khi làm điều xấu, ác, và sự tử tế trong **PHẦN II: VĂN XUÔI**

**VỢ CHỒNG A PHỦ (Tô Hoài)**

1. Tác giả

- Sáng tác của Tô Hoài thiên về diễn tả sự thật của đời thường, thể hiện vốn hiểu biết phong phú về đời sống và phong tục, chất tạo hình và chất thơ qua miêu tả, kể chuyện đầy thi vị. Là một nhà văn viết truyện về miền núi rất thành công.

2. Hoàn cảnh ra đời:

Tập “Truyện Tây Bắc” được Tô Hoài viết năm 1952. Gồm có 3 truyện: “Vợ chồng A Phủ”, “Chuyện Mường Giơn”, “Cứu đất cứu Mường”. Năm 1952, theo bộ đội vào giải phóng Tây Bắc, một chuyến đi dài 8 tháng, Tô Hoài đã mang về xuôi bao kỷ niệm sâu sắc về người và cảnh Tây Bắc. “Truyện Tây Bắc” đã được tặng giải Nhất, Giải thưởng của Hội Văn nghệ Việt Nam 1945-1955. Truyện “Vợ chồng A Phủ” là truyện hay nhất trong tập truyện này.

3. Giá trị hiện thực và nhân đạo

a. Giá trị hiện thực

- Những trang viết chân thực về cuộc sống và số phận bi thảm của người dân miền núi dưới ách áp bức bóc lột của bọn chúa đất phong kiến.

+ Mị: Một cô gái trẻ đẹp, giàu lòng yêu đời, chăm chỉ và hiếu thảo. Vì món nợ truyền kiếp mà bị cướp về làm con dâu gạt nợ nhà thống lí Pá Tra. Mị biến thành nông nô, bị chà đạp về nhân phẩm lẫn thể xác, bị cầm tù trong ngục thất tinh thần. Mị sống câm lặng, lầm lũi, quanh năm vùi đầu vào những công việc khổ sai. Mị còn bị đày đọa bởi mê tín thần quyền. Mị thật bé nhỏ trước thế lực tàn bạo của cường quyền.

+ A Phủ: Thanh niên nghèo suốt đời làm thuê làm mướn nhưng có sức sống mạnh mẽ, ham chuộng tự do, cá tính gan góc. Vì đánh con quan phủ mà bị đánh đập tàn nhẫn, bị phạt vạ, trở thành nô lệ cho nhà thống lí, không chỉ suốt đời mà cả đời con, đời cháu cũng không thoát.

+ Những hủ tục nặng nề ngàn đời đã đẩy bao người nghèo vào thảm cảnh cùng cực đói khổ.

- Bộ mặt của chế độ phong kiến miền núi: khắc nghiệt, tàn ác với những cảnh tượng hãi hùng như địa ngục trần gian được thể hiện sâu sắc qua hình ảnh cha con nhà thống lí Pá Tra

+ Chúng làm giàu bằng bóc lột sức lao động, bằng chế độ lao dịch, bằng cho vay nặng lãi rồi bắt người ta làm nô lệ để trừ nợ.

+ Cảnh bắt người, trói người, đánh người kĩ càng, rành rẽ trong từng động tác biểu hiện sự tàn ác đến thản nhiên (bắt trói Mị, A Phủ)  Chúng bần cùng hóa con người, chà đạp nhân phẩm, coi tính mạng con người không bằng một con vật

+ Cảnh xử kiện quái đản, lạ lùng  Chân lí thuộc về con quan, thuộc về kẻ giàu, kẻ mạnh.

b. Giá trị nhân đạo

- Phê phán gay gắt bọn thống trị.

- Thấu hiểu nỗi khổ cực, bề tắc; cảm thông sâu sắc đối với người dân: Ngợi ca những gì tốt đẹp ở con người; trân trọng đề cao những khát vọng chính đáng của con người.

+ Quá trình hồi sinh của Mị trong đêm tình mùa xuân. Qua đó nhà văn muốn phát biểu một chân lí: Sức sống của con người dù bị giẫm đạp, bị trói chặt vẫn không thể chết mà luôn âm ỉ, chỉ cần dịp là bùng lên mạnh mẽ.

+ Những giây phút trỗi dậy trong đêm tình mùa xuân có ý nghĩa thức tỉnh để dẫn tới hành động cắt dây trói cho A Phủ.

- Chỉ ra con đường giải phóng người lao động có cuộc đời tăm tối và số phận bi thảm: Vùng lên đấu tranh thoát khỏi dây trói của cường quyền và thần quyền.

4. Nhân vật Mị

a. Diễn biến tâm trạng của Mị trong đêm tình mùa xuân:

- Hoàn cảnh tác động:

+ Chất xúc tác gián tiếp: Khung cảnh mùa xuân, cảnh rộn rịp đón Tết “những chiếc váy hoa đem phơi trên mỏm đá, đám trẻ đợi Tết chơi quay cười ầm trên sân trước nhà”.

+ Chất xúc tác trực tiếp:

• Rượu “Mị lấy hũ rượu uống ừng ực từng bát một” Mị vừa như uống cho hả giận, vừa như uống hận, nuốt hận. Rượu đã khiến tâm hồn yêu đời, khát sống của Mị trỗi dậy.

• Tiếng sáo có một vai trò đặc biệt quan trọng  Biểu tượng lôi cuốn nhất của mùa xuân, của khát vọng tình yêu và hạnh phúc. Tiếng sáo lặp lại nhiều lần, không phải tác giả ngẫu nhiên lại dụng công miêu tả tiếng sáo nhiều như thế: “Tiếng sáo gọi bạn cứ thiết tha, bồi hồi”, “ngoài đầu núi lấp ló đã có tiếng ai thổi sáo”, “mà tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn lửng lơ bay ngoài đường”, “Mị vẫn nghe tiếng sáo đưa Mị đi theo những cuộc chơi, những đám chơi”

 Dụng ý nghệ thuật: để lay tỉnh tâm hồn Mị, là ngọn gió thổi bùng lên đốm lửa tưởng đã nguội tắt. Tiếng sáo theo sát diễn biến nội tâm của Mị, mê hoặc, dẫn dụ Mị. Thoạt tiên, tiếng sáo còn “lấp ló”, “lửng lơ” đầu núi, ngoài đường. Sau đó tiếng sáo đã thâm nhập vào thế giới nội tâm của Mị và cuối cùng tiếng sáo trở thành lời mời gọi tha thiết để tâm hồn Mị bay theo tiếng sáo, thăng hoa trong hạnh phúc. Mị đã vượt lên khỏi tâm trạng nguội lạnh, thờ ơ lâu nay của mình. Tiếng sáo là niềm khao khát sống, là tình yêu tự do.

- Dấu hiệu của sự trỗi dậy:

\* Những sôi sục trong tâm tư:

+ Nhớ lại quá khứ. Nhớ về hạnh phúc ngắn ngủi trong thời tuổi trẻ của mình.

+ Niềm ham sống trở lại “Mị còn trẻ lắm. Mị muốn đi chơi”.

+ Phản ứng đầu tiên của Mị là “nếu có nắm lá ngón trong tay Mị sẽ ăn cho chết ngay. Những giọt nước mắt tưởng đã cạn kiệt vì khổ đau nay lại lăn dài trên khuôn mặt Mị  Đau khổ tưởng đã làm Mị tê liệt cảm xúc, ý thức nhưng từ trong sâu thẳm tâm hồn Mị vẫn không chết, Mị vẫn còn khóc được cho hoài niệm của mình, khóc cho vết thương tưởng mãi mãi đã thành sẹo chai lì.

\* Hành động

+ “Lấy ống mỡ bỏ vào đĩa dầu” Hành động của sự thức tỉnh. Anh sáng của đĩa đèn khiến Mị cảm thấy mình không phải là thứ đồ vật bị bỏ quên, không phải là “con rùa trong xó tối”.

+ Mị “quấn lại tóc, với tay lấy chiếc váy hoa” Mị muốn đi chơi Hành động nổi loạn. Dù bị A sử trói nhưng tâm hồn Mị vẫn “rập rờn tiếng sáo”, tiếng sáo dìu Mị đi theo “những cuộc chơi, những đám chơi”. Tâm hồn Mị đã thuộc về một thế giới khác, một thế giới lung linh như ngọc bích, thế giới mà ở đó Mị yêu và được yêu, Mị hát và thổi sáo. Đó là sức sống tiềm tàng dữ dội và mãnh liệt.

+ Theo tiếng sáo“Mị vùng bước đi” giữa lúc người bị trói đứng vào cột. Chỉ khi “tay chân đau không cựa được” Mị mới sực tỉnh trở về với hiện tại. Tiếng sáo cũng im bặt, thay vào đó là tiếng “chân ngựa đập vào vách” khiến Mị cay đắng nghĩ mình “không bằng con ngựa”.

 Quá trình hồi sinh của Mị được nhà văn miêu tả không hề dễ dãi, hời hợt. Đó là một sự chuyển biến lớn dần và phải có một sự tác động đặc biệt. Đó là tiếng sáo. Qua đó nhà văn muốn phát biểu một tư tưởng sức sống của con người cho dù bị giẫm đạp, bị trói chặt vẫn không thể chết mà luôn âm ỉ chỉ cần dịp là bùng lên mạnh mẽ.

b. Diễn biến tâm trạng của Mị trong đêm cởi trói cho A Phủ

- Thái độ ban đầu khi trông thấy A Phủ bị trói: thản nhiên, vô cảm “A Phủ có là cái xác chết đứng đấy cũng thế thôi”

- Khi nhìn thấy dòng nước mắt của A Phủ, cảm xúc trong Mị sống lại. Giọt nước mắt của A Phủ đã giúp Mị nhớ lại mình, nhận ra mình, xót xa cho mình, thương người và thương mình đồng thời nhận ra sự tàn ác của nhà thống lí Pá Tra.

- Mị cắt dây trói cho A Phủ – một hành động vừa tự phát vừa tự giác.

+ Tự phát bởi sự việc đến nhanh, đột ngột và Mị không kịp tính trước. Ngay cả việc có chạy theo A Phủ hay không cũng chỉ được Mị quyết định sau khi cắt dây trói, đứng lặng một phút trong bóng tối. Sau một phút định thần, nỗi hoảng sợ đã đẩy Mị chạy theo A Phủ một cách tự nhiên. Tô Hoài thật tinh tế và khéo léo khi sắp xếp chi tiết này, chi tiết càng làm tăng thêm giá trị nhân vật.

+ Tự giác vì đây chính là hành động tất yếu của một con người có sức sống tiềm tàng. Hành động này có nguồn gốc từ bản chất của một người con gái hiếu thảo, ham sống trong quá khứ, từ cái buồn “rười rượi”, từ cách uống rượu “ừng ực”, ngay cả khi có ý định tự sát. Trực tiếp hơn cả là giây phút rạo rực khi nghe tiếng sáo trong đêm tình mùa xuân.

 Mị cắt dây trói cho A Phủ cho thấy Mị đã ý thức được giá trị của bản thân. Đó là kết quả của nỗi khổ dồn nén, chồng chất của lòng căm thù, của tình thương và sự trắc ẩn, phản ánh quy luật tất yếu của cuộc sống: tức nước vỡ bờ. Cởi trói cho A Phủ chính là cởi xiềng xích cho chính mình, nỗi lo lắng, hoảng sợ tiếp thêm cho Mị sức mạnh vùng thoát khỏi số phận, thể hiện gi trị nhân đạo của tác phẩm

- Mị vùng chạy theo A Phủ  Chạy theo tiếng gọi tự do, hạnh phúc, tiếng gọi thiết tha mãnh liệt chất chứa trong lòng Mị từ bấy lâu nay.

So sánh: Chị Dậu (Tắt đèn-Ngô Tất Tố): Sức sống của Mị không mãnh liệt bằng nhưng một khi trỗi dậy, sức sống ấy có hướng đi rõ rệt. Chị Dậu vùng lên thật mãnh liệt rồi đứng bơ vơ trong đêm tối đen như mực, tối như tiền đồ của chị. Hành động rút dao của Mị cũng không phải là hành động giải quyết bi kịch kiểu Chí Phèo (Nam Cao) mà là hành động cắt đứt sợi dây mê tín thần quyền và sức mạnh man rợ cường quyền.( Đề bổ sung: Phân tích sức sống tiềm tàng của Mị)

**VỢ NHẶT**

**Kim Lân**

1. Tác giả

- Sở trường về truyện ngắn. Thế giới nghệ thuật của ông là xóm làng quê với người dân cày Việt Nam. Viết rất hay về những thú chơi dân dã đồng quê như chọi gà, thả diều, nuôi bồ câu, chơi núi non bộ,… mà ông gọi là thú “phong lưu đồng ruộng”.

2. Tác phẩm

Câu 1 Nêu hoàn cảnh ra đời và ý nghĩa nhan đề truyện ngắn Vợ nhặt?

\* Hoàn cảnh ra đời

- Vợ nhặt là truyện ngắn xuất sắc của Kim Lân viết về nạn đói khủng khiếp năm 1945.

- Tiền thân của Vợ nhặt là tiểu thuyết Xóm ngụ cư được viết ngay sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, nhưng dang dở và thất lạc bản thảo. Sau khi hoà bình lập lại (1954), tác giả dựa vào một phần cốt truyện cũ để viết truyện ngắn Vợ nhặt.

\* Ý nghĩa nhan đề truyện ngắn Vợ nhặt

- Vợ nhặt là nhặt được vợ, đem một người xa lạ về làm vợ không cần sính lễ, cưới hỏi

Nhan đề tạo được ấn tượng, kích thích sự chú ý của người đọc vì cái giá của con người quá rẻ.

- Qua nhan đề Vợ nhặt, Kim Lân đã phản ánh được tình cảnh thê thảm và thân phận tủi nhục của người nông dân nghèo trong một nạn đói khủng khiếp; sự đen tối bế tắc của xã hội Việt Nam trước Cách mạng Tháng Tám.

- Nhan đề thể hiện được giá trị hiện thực (Tố cáo tội ác của thực dân, phát xít) và giá trị nhân đạo (Ca ngợi phẩm chất của người lao động). Đồng thời nhan đề cũng góp phần thể hiện tình huống truyện vừa éo le vừa bất ngờ.

3. Nhân vật Tràng

- Đã lớn tuổi, nhà nghèo, ngoại hình xấu, thô kệch, ăn nói không bình thường, thô lỗ, dân ngụ cư, kéo xe thuê nuôi mình và mẹ già.

- Nguy cơ “ế vợ”.

- Chỉ một câu hỏi ỡm ờ, 4 bát bánh đúc, 2 hào dầu, mua một cái thúng con bỗng nhiên có vợ - nhặt được vợ.

- Khi quyết định lấy vợ:

Trng rất lo, phân vân, do dự “thóc gạo này đến cái thân mình cũng chả biết có nuôi nổi không, lại còn đèo bòng” nhưng hắn đã chặc lưỡi một cái: “Chậc, kệ!”.

 Quyết định của Tràng thể hiện niềm khát khao hạnh phúc gia đình của người nông dân nghèo.

- Khi dẫn vợ về nhà

+ Sung sướng, hạnh phúc “Mặt hắn phớn phở khác thường. Hắn tủm tỉm cười, hai mắt thì sáng lên lấp lánh”. Trước con mắt ngạc nhiên, tò mò của dân xóm ngụ cư Tràng “thích ý lắm, cái mặt cứ vênh vênh tự đắc với mình”.

+ Lúng túng “cứ lúng ta lúng túng, tay nọ xoa xoa vào tay kia khi đi bên người đàn bà”.

 Kim Lân đã diễn tả vừa cụ thể, vừa sinh động niềm khao khát tổ ấm gia đình và tình thương giữa những con người nghèo khổ đã vượt lên tất cả bất chấp cả cái đói và cái chết “Trong một lúc, Tràng hình như quên hết những cảnh sống ê chề, tăm tối hằng ngày, quên cả cái đói khát ghê gớm đang đe dọa, quên cả những tháng ngày trước mặt. Trong lòng hắn bây giờ chỉ còn tình nghĩa giữa hắn với người đàn bà đi bên.”

Về tới nhà Tràng háo hức chờ mẹ về để giới thiệu vợ với mẹ, Tràng lo lắng, hồi hộp chờ đợi mẹ chấp nhận Thị và rồi anh thở phào nhẹ nhõm khi mẹ bằng lòng đón nhận nàng dâu mới.

- Buổi sáng lần đầu tiên sau khi có vợ

+ Tràng thấy cuộc đời mình thay đổi hẳn. Tràng thấy cái gì cũng “thay đổi mới mẻ khác lạ”, cảm thấy “trong người êm ái lửng lơ như người vừa ở trong giấc mơ đi ra”

+Trong lòng hắn tràn ngập “một nguồn vui sướng phấn chấn”. Bỗng thấy mình trưởng thành, niềm vui sướng, hạnh phúc của Tràng gắn liền với ý thức về bổn phận, trách nhiệm “hắn thấy hắn nên người…”

Truyện được khép lại bằng hình ảnh đoàn người đi phá kho thóc của Nhật và hình ảnh lá cờ đỏ của Việt Minh phấp phới bay trong đầu Tràng. Với Tràng, hạnh phúc muộn mằn đến bất ngờ, lòng anh chứa chan hi vọng về một sự đổi đời. Hình ảnh ấy nói lên rằng tương lai tất yếu của những người như vợ chồng Tràng sẽ tham gia Việt Minh, sẽ nhập vào đoàn quân cướp phá kho thóc của Nhật chia cho dân nghèo, sẽ tham gia cách mạng. Hình ảnh này đối lập với những hình ảnh thê thảm về cuộc sống người nông dân khủng khiếp 1945 mà tác giả miêu tả ở phần đầu của thiên truyện. Cách kết thúc như vậy gợi xu hướng phát triển theo chiều hướng tích cực của tác phẩm: Khi bị đẩy vào tình trạng đói khổ, cùng đường thì người nông dân sẽ hướng tới cách mạng. Đây cũng là xu hướng vận động chủ yếu của văn học 1945-1975

4.Tâm trạng bà cụ Tứ

- Khi về đến ngõ, thấy Tràng reo lên, vồn vã khác thường, bà cụ Tứ phấp phỏng, ngạc nhiên khi thấy người đàn bà lạ mặt trong nhà mình lại gọi mình bằng U. Cho tới khi nghe Tràng giãi bày bà mới hiểu “Bà lão cúi đầu nín lặng”, một sự nín lặng chất chứa bao suy nghĩ của người mẹ nghèo giàu tình thương con.

- Khi biết con trai mình có vợ, tâm trạng ngổn ngang, phức tạp, đầy mâu thuẫn: mừng, lo, buồn, tủi. Bà ai oán, xót thương, tủi phận cho số kiếp đứa con trai của mình (…), nhưng rồi bà lại vui vì dù sao con bà đã có vợ.

Cảnh bà cụ Tứ nhận nàng dâu mới thật cảm động. Đoạn văn thể hiện được sự tinh tế của Kim Lân trong việc miêu tả tâm lí nhân vật. KL chọn ngôn ngữ độc thoại để diễn tả tâm trạng của bà cụ.Diễn biến của truyện đến đây đã lên tới đỉnh điểm, Thị ngượng ngùng, xấu hổ “cúi mặt xuống, tay vân vê tà áo đã rách bợt”, còn Tràng thì lo lắng, chờ đợi, khi nghe bà lão nói “Ừ, thôi thì các con đã phải duyên, phải kiếp với nhau, u cũng mừng lòng”, thì Tràng mới “thở phào một cái, ngực nhẹ hẳn đi”. Bà cụ vẫn không hết lo lắng, từ tốn dặn nàng dâu mới(nhà ta...). Niềm vui của người mẹ nghèo trong nạn đói nó trở nên héo hắt vì không sao thoát khỏi nỗi ám ảnh của cái nghèo, cái đói. Nhưng lớn hơn tất cả vẫn là tình thương, từ thương con trai bà chuyển sang thương nàng dâu, bà thân mật nói với nàng dâu mới “chúng mày lấy nhau lúc này u thương quá”, rồi bà nghẹn lời, nước mắt chảy xuống ròng ròng. Điều đó nói lên lòng nhân hậu, tinh thần lạc quan của bà cụ Tứ, khát khao hạnh phúc vô bờ của họ.

- Buổi sáng hôm sau

+ Hạnh phúc của con trai làm bà tươi tỉnh, nhẹ nhõm“cái mặt bủng beo u ám bỗng rạng rỡ hắn lên”

+ Bà cùng nàng dâu mới quét dọn vườn tược, nhà cửa với hi vọng nhà cửa quang quẻ có thể làm ăn khấm khá hơn

+ Bà nói toàn chuyện vui, chuyện sung sướng sau này. Động viên con bằng triết lí dân gian “ai giàu ba họ ai khó ba đời”

+ Bữa cơm đón nàng dâu mới bằng nồi chè khoán thực ra là nồi cháo cám đắng chát, nhưng chứa đầy tình thương của người mẹ.

=> Người mẹ nghèo khổ rất mực thương con, người phụ nữ Việt Nam nhân hậu, bao dung và giàu lòng vị tha. Bà cụ Tứ là người rất lạc quan, có niềm tin vào tương lai, hạnh phúc tươi sáng. Hình ảnh bà cụ Tứ cũng là hình ảnh tiêu biểu cho người mẹ nghèo Việt Nam.

- Ngòi bút phân tích tâm lí nhân vật sâu sắc

\* Qua nhân vật bà cụ Tứ, nhà văn muốn thể hiện tư tưởng: dù kề bên cái đói, cái chết, người ta vẫn yêu thương đùm bọc lẫn nhau, khao khát hạnh phúc, hướng về ánh sáng, vẫn tin vào sự sống.

5.Nhân vật Thị

- Không quê quán. Không người thân. Không tên tuổi.

- Sắp chết đói: “quần tả tơi như tổ đỉa, gầy sọp hẳn đi, trên khuôn mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn thấy hai con mắt”  Ngoại hình thay đổi do đói.

- Thị đã gợi ý để được ăn, ăn một lúc 4 bát bánh đúc  Không ý tứ, mất hết vẻ e thẹn của người phụ nữ vì đói, trở thành liều lĩnh, trơ trẽn, bằng mọi giá cốt sao có được cái ăn.

- Giữa trận đói, chẳng cầ cheo cưới gì, chị đã thành vợ nhặt của Tràng. Thật chua chát, “Cái giá” của người con gái chỉ có 4 bát bánh đúc, 2 hào dầu, một cái thúng con.  Thị đã theo không Tràng mà không cần biết gia cảnh, không lễ cưới, không tìm hiểu tính nết bởi cả hai đều quá nghèo.

- Trở thành vợ Tràng, thị thay đổi hẳn “hiền hậu đúng mực” Thị trở thành người vợ tử tế, đứng đắn, biết lễ nghĩa, xứng đáng là vợ, là dâu con đàng hoàng, chứ không phải loại đàn bà hư hỏng.

- Bữa cơm đầu tiên thị ăn ở nhà chồng là bát cháo cám.  Nỗi đau khổ, tủi nhục của thị cũng là của nhân dân ta một thời mà hơn 2 triệu đồng bào ta chết đói.

6. Giá trị nhân đạo :

Giá trị nhân đạo được tạo nên bởi niềm cảm thông sâu sắc đối với nỗi đau của con người, sự nâng niu, trân trọng những nét đẹp trong tâm hồn con người và lòng tin vào khả năng vươn dậy của họ.

\* Phân tích giá trị nhân đạo sâu sắc của tác phẩm với các biểu hiện chính

- Tác phẩm bộc lộ niềm xót xa, thương cảm với cuộc sống bi đát của người dân nghèo trong nạn đói, qua đó tố cáo tội ác tày trời của bọn thực dân phát xít đối với nhân dân ta. (Người chết như ngả rạ, những xác người còng queo bên đường, tiếng quạ gào thê thiết, tiếng hờ khóc trong đêm, mùi xác người chết gây gây, những khuôn mặt u ám, những dáng ngồi ủ rũ….)

- Tác phẩm khám phá, nâng niu trận trọng khát vọng hạnh phúc, khát vọng sống của con người.

+Những khao khát hạnh phúc của Tràng (cái “tặc lưỡi” của Tràng có phần liều lĩnh khi Tràng đưa vợ về nhà…; Cảm giác “mơn man khắp da thịt”, “êm ái lơ lửngnhư người vừa ở trong giấc mơ đi ra”; Chưa bao giờ hắn cảm thấy yêu và gắn bó với căn nhà này đến thế)

+Ý thức bám lấy sự sống rất mạnh mẽ ở nhân vật người Vợ nhặt (Thị chấp nhận theo không Tràng về làm vợ, bỏ qua ý thức về danh dự…)

+ Niềm hi vọng về một cuộc đổi đời của các nhân vật, hình ảnh lá cờ đỏ bay trong tâm trí Tràng)

- Tác phẩm thể hiện lòng tin sâu sắc váo phẩm giá, vào lòng nhân hậu của con người

+ Cái đẹp tiềm ẩn của Tràng đó là sự thông cảm, lòng thương người, sự hào phóng chu đáo (đãi người dàn bà lạ bốn bát bánh đúc, mua cho chị ta cái thúng con… tình nghĩa và trách nhiệm).

+ Sự biến đổi của người vợ nhặt sau khi theo Tràng về nhà: Vẻ chao, chỏng lỏn ban đầu biến mất, thay vào đó là sự hiền hậu, đúng mực, sự mau mắn trong việc làm, ý tứ trong cách cư xử…

+ Tấm lòng nhân hậu của bà cụ Tứ: Thương con rất mực, cảm thông với tình cảnh của nàng dâu, trăn trở về bổn phận làm mẹ, cố tạo niềm vui trong gia đình giữa cảnh sống thê thảm…

- Đánh giá chung về giá trị nhân đạo của tác phẩm

Điểm đáng nói nhất về giá trị nhân đạo của tác phẩm này là niềm tin tưởng sâu sắc vào con người lao động, vào bản năng sống, khát vọng sống mạnh mẽ của họ - Nét mới so với nhiều tác phẩm khác.

7. Tình huống truyện độc đáo

1. Giải thích thế nào là tình huống truyện độc đáo: Tình huống truyện có vai trò quan trọng đối với việc thể hiện tính cách, tâm lí, số phận nhân vật, góp phần thể hiện chủ đề của tác phẩm.

2. Nêu tình huống độc đáo của Vợ nhặt.

- Tình huống truyện một phần thể hiện ngay trong nhan đề tác phẩm: Vợ nhặt. Tràng nhặt được vợ như người ta nhặt được một thứ đồ vật vô chủ nào đó.

- Tràng một người xấu xí, thô kệch lại là dân ngụ cư như Tràng mà lại lấy được vợ, hơn thế vợ theo hẳn hoi. Lạ đời hơn Tràng lấy vợ trong lúc nạn đói đang hoành hành dữ dội, chỉ bằng vài câu nói đùa và bốn bát bánh đúc.

Tình huống bất ngờ, éo le, giàu kịch tính: Việc Tràng có vợ khiến cho mọi người trong xóm ngụ cư vô cùng ngạc nhiên, bà cụ Tứ ngạc nhiên, và ngay cả bản thân Tràng cũng ngạc nhiên

- Nhưng trong chính hoàn cảnh bi đát, tuyệt vọng đấy ba con người cùng khổ vẫn có niềm tin vào cuộc sống, họ nương tựa vào nhau, cùng nhau hi vọng và tương lai. Chỉ trong thời gian ngắn họ đã có những thay đổi mà cụ thể và sâu sắc nhất là bà cụ Tứ, một người mẹ nghèo khổ, đôn hậu, giàu lòng yêu thương.

- Tình huống truyện cũng là cách để nhà văn Kim Lân lên tiếng tố cáo xã hội thực dân phát xít gây nên nạn đói khủng khiếp năm 1945. Nạn đói đã khiến phẩm giá con người bị hạ thấp đến mức người ta có thể nhặt được vợ.

\*Ý nghĩa của việc xây dựng tình huống “nhặt vợ”

- Tạo cho tác phẩm có được kết cấu chặt chẽ. Các sự việc, các chi tiết khác được kể tới đều xoay quanh tình huống này.

- Tố cáo tội ác của bọn thực dân phát xít đẩy con người đến bước đường cùng, biến giá trị con người thành số không.

- Thể hiện được cái tình của người lao động nghèo, tấm lòng nhân hậu đầy yêu thương của họ

- Nói lên lòng ham sống, bản chất lạc quan của người lao động khi bị lâm vào cảnh khốn cùng.

**RỪNG XÀ NU**

**(Nguyễn Trung Thành).**

1. Tác giả

- Hơi hướng Tây Nguyên, màu sắc tráng lệ, khuynh hướng sử thi… tạo nên cốt cách và vẻ đẹp văn chương của Nguyên Ngọc - Nguyễn Trung Thành. Nguyên Ngọc là người đầu tiên và người đóng góp công sức nhiều nhất đem Tây Nguyên về với văn chương hiện đại. Nguồn cảm hứng ấy xuất phát từ tình yêu đối với những người con của quê hương anh hùng và đẹp đẽ.

2. Xuất xứ

- Truyện được viết năm 1965, trong không khí sôi sục của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Đó là thời điểm khi quân Mĩ ồ ạt đổ quân vào miền Nam nước ta và đánh phá ác liệt miền Bắc, cuộc kháng chiến của dân tộc chuyển sang giai đoạn mới, chống lại cuộc chiến tramh cục bộ của đế quốc Mĩ. Mặc dù truyện ngắn Rừng Xà Nu viết về sự kiện cuộc nổi dậy của của một buôn làng Tây Nguyên trong thời kì đồng khởi trước năm 1960 nhưng chủ đề và tư tưởng của tác phẩm vẫn có mối quan hệ mật thiết với tình hình thời sự của cuộc kháng chiến lúc tác phẩm ra đời.

- Năm 1969, in trong tập truyện ký “Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc”.

3. Đặc điểm cốt truyện

- Truyện được kể theo một lần về thăm làng Xô Man của Tnú, sau 3 năm xa làng đi bộ đội giải phóng. Trong đêm ấy quây quần bên bếp lửa, cả dân làng được nghe cụ Mết kể lại câu chuyện bi tráng về cuộc đời Tnú và chuyện về cuộc nổi dậy của làng Xô Man.

- Cốt truyện của Rừng xà nu có 2 câu chuyện đan cài vào nhau: Truyện về cuộc đời Tnú và chuyện về cuộc nổi dậy của buôn làng Xô Man. Chuyện về Tnú là tình tiết chính và cũng là cốt lõi của câu chuyện về cuộc nổi dậy của làng Xô Man.

4. Ý nghĩa nhan đề: Nhan đề của tác phẩm mang nhiều ý nghĩa:

Nghĩa tả thực: Rừng xà nu là một cây họ thông mọc nhiều ở Kon-tum, là hiện thân cho vẻ đẹp hùng vĩ, tráng lệ của núi rừng Tây Nguyên. Là loại cây có sức sống khỏe mạnh, dẻo dai, bất diệt trước sự tàn phá của đế quốc Mĩ.

Nghĩa tượng trưng: Rừng xà nu là hình ảnh biểu tượng cho tinh thần dũng cảm, kiên cường, bất khuất, sức sống mạnh mẽ của dân làng Xô Man trước sự áp bức, tra tấn của kẻ thù.

5. Hình tượng rừng xà nu

- Xà nu sinh sôi, nảy nở rất nhanh, rất khỏe. Đó là loại cây họ thông cứng cáp vươn mình che chở cho dân làng Xô Man. Rừng xà nu là hiện thân cho vẻ đẹp hùng vĩ, trng lệ của thiên nhiên đất nước, nó hiện lên với nhiều góc độ khác nhau: đường nét, hình khối, sắc màu, mùi hương, ánh sáng và sức nóng, công dụng: “ nhựa ứa ra tràn trề, thơm ngào ngạt” “ngọn xanh rờn, hình nhọn mũi tên, cành lá xum xuê…” ,“nó phóng lên rất nhanh để tiếp lấy ánh nắng”.

- Xà nu có mặt trong đời sống hằng ngày như đã tự ngàn đời nay của dân làng Xô Man: ngọn lửa xà nu trong mỗi bếp, trong đống lửa ở nhà ưng tập hợp cả làng đón Tnú trở về, ngọn đuốc xà nu cháy sáng soi cho dân làng mài vũ khí, soi rõ xác mười tên lính nằm ngổn ngang, để cụ Mết phát động dân làng đốt lửa đêm đồng khởi. Tất cả những phẩm chất ấy cho thấy sức sống bất diệt của cây xà nu

- Cả rừng xà nu hàng vạn cây không có cây nào không bị thương, rừng xà nu vì thế là biểu tượng cho sự mất mát, đau thương của cả dân tộc trong chiến tranh. Từng cây xà nu bị thương cũng như từng con người làng Xô Man đang phải hứng chịu những tra tấn tàn bạo của bọn giặc Mĩ. Rừng xà nu “nằm trong tầm đại bác của đồn giặc”, nằm trong sự hủy diệt bạo tàn. Nguyên Ngọc đã dựng nên một sự sống trong tư thế đối mặt với cái chết, một sự sinh tồn đang đứng trước mối đe dọa của diệt vong. Nỗi đau của một khu rừng hiện ra nhiều vẻ:

+ Nỗi xót xa của những cây non, tựa như đứa trẻ thơ con của Tnú và Mai “vết thương không lành được cứ loét mãi ra, năm mười hôm thì cây chết”

+ Cái đau dữ dội của những cây xà nu “bị chặt đứt ngang nửa thân mình, đổ ào ào như một trận bão”, như những con người của làng Xô Man bị chúng chém giết. Đó là anh Xút bị treo cổ, bà Nhan bị chặt đầu, Mai bị cây sắt thằng Dục nện cho đến chết, ngọn roi của chúng không trừ một ai, tiếng kêu khóc dậy cả làng.Và còn những cây có tấm thân cường tráng, “vết thương của chúng chóng lành”, đạn đại bác không giết nổi chúng, phải chăng là Tnú, đứa con ưu tú của dân làng, dù bị bắt, bị tra tấn dã man, bị đốt cháy mười đầu ngón tay, bị giết hết vợ con nhưng anh vẫn vượt qua nỗi đau về thể xác, lẫn tinh thần để giết giặc trả nợ nước, thù nhà.

 Hình tượng rừng xà nu còn phản ánh những đau thương mà dân tộc ta phải gánh chịu.

- Xà nu có sức sống mãnh liệt không gì tàn phá nổi. Loài cây khao khát sống, háo hức phóng mạnh lên bầu trời lớn rộng, như để thỏa mãn tình yêu tự do và ánh sáng “Cạnh một cây xà nu mới ngã gục đã có bốn năm cây con mọc lên. Nó phóng lên rất nhanh để tiếp lấy ánh nắng…”.

 Hình tượng rừng xà nu chính là biểu tượng cho khát vọng vươn tới ánh sáng cách mạng, lòng khao khát tự do của dân làng Xô Man như Tnú, Mai, Dít, cụ Mết, bé Heng và dân làng Xô Man sống và chiến đấu vì khát vọng tự do . Cây xà nu chính là biểu tượng cho truyền thống đấu tranh, cho tư thế luôn luôn sẵn sàng chiến đấu, các thế hệ nối tiếp nhau hiên ngang trước mũi súng quân thù. Như cây rừng “một cây ngã xuống bốn năm cây con mọc lên thay thế những cây đã ngã”, dân làng Xô Man cũng thế, anh Xút, bà Nhan ngã xuống thì có Tnú và Mai thay họ đi nuôi cán bộ, Mai ngã xuống có Dít lớn lên thay chị, Tnú ra chiến trường có bé Heng làm giao liên. Dù bị tra tấn, uy hiếp nhưng tinh thần cách mạng vẫn luôn được phát huy.

Hình ảnh những ngọn đồi xà nu trải ra hút tầm mắt, nối tiếp chạy tít tắp đến tận chân trời được miêu tả trong phần mở đầu và kết thúc tác phẩm có ý nghĩa ca ngợi sức sống kì diệu, bất khuất của loại cây này trước sự tàn phá của đạn đại bác Mĩ. Đạn đại bác không thể giết nổi chúng, câu văn là một lời khẳng định đầy tự hào về sức sống bền bỉ, lâu dài của cây xà nu. Đó cũng chính là sức sống mãnh liệt, kiên cường, bất khuất của dân làng Xô Man trước sự tra tấn hung bạo của kẻ thù. Hình ảnh đó cũng cho ta hiểu rằng, rừng xà nu không chỉ là biểu tượng của con người ở làng Xô Man hẻo lánh, mà con có thể là biểu tượng của cả Tây Nguyên, của cả miền Nam, hơn nữa là của cả dân tộc Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Mĩ đau thương nhưng vẫn quyết làm tất cả để dành sự sống cho tổ quốc mình. Kết cấu vòng tròn này mở ra một không gian kì vĩ, rộng lớn của núi rừng Tây Nguyên, gợi âm hưởng sử thi cho tác phẩm.

 Nguyễn Trung Thành đã tạo nên những hình ảnh ẩn dụ, so sánh, những liên tưởng kỳ vĩ để miêu tả rừng xà nu hùng vĩ với tất cả lòng yêu mến tự hào.

6. Hình tượng nhân vật Tnú

\* Tnú mang những phẩm chất của người anh hùng lí tưởng:

- Là người Strá – Cha mẹ chết sớm, làng Xô Man nuôi anh. Yêu cách mạng và khao khát tự do.

- Từ khi bé, Tnú đã được học chữ, đã sống gần người cán bộ cách mạng là anh Quyết, đã có ý thức lớn lên sẽ thay anh Quyết làm cán bộ, lãnh đạo phong trào cách mạng của quê hương. (So sánh với A Phủ: Tnú là một bước tiến mới trong sự nhận thức và biểu hiện phẩm chất của người anh hùng lí tưởng: Ở Tnú không có vấn đề tìm đường nhận đường như A Phủ hay anh hùng Núp. A Phủ và Núp chỉ đến với cách mạng khi câu chuyện của đời mình đã đi vào phần kết. Trong khi đó, Tnú đã sống gần người cán bộ cách mạng khi còn là một cậu thiếu niên. Tnú đã có những điều kiện mà các nhân vật anh hùng của miền núi trước đó chưa có hay chỉ có sau khi đã trải qua vô vàn đau khổ, gian truân.)

- Vì tự ái, Tnú định bỏ không học chữ nhưng khi nghe anh Quyết nói “Không học chữ sao làm được cán bộ giỏi”, Tnú đã “lén chùi nước mắt”. Hôm sau Tnú nhờ Mai dạy lại chữ. Rõ ràng vì cách mạng, Tnú đã vượt qua được lòng tự ái của mình.

- Lòng dũng cảm, không sợ hi sinh, sự mưu trí, tình yêu và tinh thần trung thành với cách mạng của Tnú sớm được kiểm nghiệm qua các công việc tiếp tế cho cán bộ, làm giao liên, cũng như qua thái độ của anh trước sự tra tấn và ngục tù:

+ Khi làm liên lạc vì sự an toàn của cán bộ, Tnú thường chọn những con đường đi khó để tránh giáp mặt với quân thù “xé rừng, vượt thác, lọt tất cả các vòng vây của giặc”.

+ Bị bắt, bị tra tấn dã man nhưng anh vẫn kiên quyết không khai, trước sau anh giữa một lòng trung với nhân dân, với cách mạng. Tn đặt tay lên bụng mình, nĩi: “ cộng sản ở đây này”. Tn sống với niềm tin: “Cán bộ là Đảng. Đảng còn, núi nước này còn”.

- Tnú trở thành một chàng trai hoàn hảo sau khi vượt tù trở lại làng: Rắn chắc, cao lớn, đẹp đẽ như cây xà nu cường tráng nhất của khu rừng, trở thành một con “cọp cộng sản” nên bọn thằng Dục ra sức săn lùng ráo riết

- Anh bị giặc bắt, trói chặt bằng dây rừng chờ hành hình, giữa thời khắc ngắn ngủi của sự sống và cái chết, Tnú bình thản lạ thường. Bị giặc đốt bàn tay bằng nhựa xà nu. Anh nghe lửa cháy trong lồng ngực, cháy ở bụng, nhưng lẫm liệt, khí phách: hiên ngang. Tnú không thèm kêu van!

- Tnú là một dũng sĩ kiên quyết đánh địch đến cùng. Mười ngón tay, ngón nào cũng cụt một đốt, nhưng còn hai đốt vẫn cầm giáo, bắn súng được, anh lên đường đi tìm cách mạng, gia nhập Giải phóng quân, đi tìm những thằng Dục ác ôn để trả thù cho mẹ con Mai, cho làng. Tnú đã chiến đấu dũng cảm, đã xung phong xuống hầm ngầm, dùng tay bóp chết tên chỉ huy đồn giặc.

Hình ảnh bàn tay Tnú

- Lúc còn nguyên vẹn là bàn tay trung thực, tình nghĩa: bàn tay cầm phấn viết chữ của anh Quyết dạy cho, bàn tay dám cầm đá đập vào đầu mình để tự trừng phạt khi học hay quên chữ, bàn tay đặt lên bụng mình khi nói: Cộng sản “Ở đây này!”, lúc Tnú thoát ngục Kon Tum trở về, gặp Mai ở đầu rừng lối vào làng, Mai cầm hai bàn tay Tnú mà giàn giụa nước mắt. Bàn tay như “hai cánh lim chắc”xông vào giữa bọn thằng Dục để cứu vợ con, nhưng đó là bàn tay không có vũ khí nên anh không cứu được vợ con.

- Lúc bị bọn giặc quấn giẻ tẩm dầu xà nu rồi đốt. Mười ngón tay đã thành 10 ngọn đuốc“Anh không cảm thấy lửa ở mười đầu ngón tay nữa. Anh nghe lửa cháy trong lồng ngực, cháy ở bụng”.

 Mười ngọn đuốc ngón tay Tnú đã châm bùng lên ngọn lửa nổi dậy của làng Xô Man. Bàn tay Tnú đã được dập lửa nhưng mỗi ngón tay chỉ còn hai đốt. Bàn tay cháy cụt còn đó như chứng tích đầy căm hận mà Tnú mang theo suốt đời.

- Bàn tay mỗi ngón còn lại 2 đốt ấy vẫn cầm giáo, cầm súng được và Tnú đã lên đường, cầm súng đi tìm những thằng Dục để trả mối thù. Bằng đôi bàn tay cụt đốt ấy, anh đã bóp chết tên chỉ huy đồn địch, bàn tay quả báo đang siết vào cổ họng những thằng Dục.

\*Tnu có lòngthương yêu gia đình sâu sắc

- Giặc kéo về làng để tiêu diệt phong trào nổi dậy của dân làng Xô Man, để truy tìm Tnú, chúng bắt vợ con anh và tra tấn dã man bằng gậy sắt. Cả Mai và đứa con đều gục chết.Tnú không cứu được vợ con dẫu lòng căm thù đã biến mắt anh thành hai cục lửa hồng và anh đã xông vào lũ giặc như hổ dữ. “Tnú không cứu sống được mẹ con Mai” – tác giả để cho những lời ấy trở đi trở lại tới 4 lần, day dứt như một điệp khúc đau thương.

-Tuy Mai đã mất nhưng hình ảnh người vợ hiền bị giặc giết hại vẫn luôn sống mãi trong kí ức anh, khi trở về làng nhìn thấy Dít anh lại bồi hồi nhớ đến Mai.

- Tnú là người chồng, người cha giàu tình thương với vợ con.

\* Tnú là người con tình nghĩa với quê hương: Dù đã tắm ở suối rồi nhưng khi cụ Mết dẫn ra máng nước đầu làng. Tnú vẫn xúc động để cho vòi nước của làng giội lên khắp người như ngày trước. Cử chỉ ấy là sự gắn bó thắm thiết với quê hương. Dù chỉ được nghỉ phép một đêm nhưng anh vẫn xin phép chỉ huy về thăm làng để được ăn món canh tàu môn bạc hà của cụ Mết, kể cho làng nghe những chiến công của mình.

- Nguyễn Trung Thành, với khuynh hướng sử thi đã khắc họa Tnú mang bao phẩm chất anh hùng lẫm liệt. Anh là người anh hùng lí tưởng, là niềm tự hào của dân làng Xô Man. Màu sắc núi rừng và hơi hướng Tây Nguyên như ánh hào quang tỏa chiếu dũng sĩ Tnú.

b- Tính sử thi: Đặc điểm những sáng tác dựa trên nền tảng là ý thức cộng đồng. Người anh hùng vừa mang khát vọng của dân tộc vừa mang tư tưởng lớn của thời đại.

- Cảm hứng về rừng xà nu đã được khởi phát từ vấn đề trọng đại bậc nhất trong hoàn cảnh lịch sử của nước ta lúc bấy giờ. Đó là những năm tháng diễn ra cuộc đấu tranh chống đế quốc Mĩ. Hiệp định Giơ-ne-vơ không được thi hành, kẻ thù ra sức khủng bố, Hoa Kì ào ạt đổ quân vào miền Nam và mở rộng chiến tranh ra miền Bắc.

- Tác phẩm được viết ra như một sự biểu dương, bằng sức mạnh của nghệ thuật, cho con đường chúng ta đi, con đường được mở đầu bằng cuộc đồng khởi ở miền Nam và kết thúc với chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

- Đề tài: Số phận và con đường giải phóng của dân làng Xô Man ở Tây Nguyên, tiêu biểu cho số phận và con đường chiến đấu để giải phóng của nhân dân miền Nam, của cả dân tộc.

- Chủ đề: Được phát ngôn trực tiếp qua lời cụ Mết: “Nhớ lấy, ghi lấy. Sau này tau chết rồi, bay còn sống phải nói lại cho con cháu: Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo!”. Đó là chân lí về con đường giải phóng của quần chúng nhân dân trong thời đại cách mạng.

- Hệ thống nhân vật được lựa chọn để đại diện cho thế hệ tiếp nối nhau trong cuộc chiến đấu giải phóng của nhân dân (Phân tích hình tượng những dũng sĩ làng Xô Man).

- Nghệ thuật trần thuật của truyện: Câu chuyện được kể như một hồi tưởng trong đêm Tnú về thăm làng. Câu chuyện được kể bên bếp lửa, cách kể trang trọng như muốn truyền cho thế hệ con cháu những trang lịch sử của cộng đồng.

- Hình thức sử thi hoành tráng: Hình ảnh, vóc dáng vạm vỡ, cao cả của rừng núi, cũng như của con người. Hoành tráng trong âm hưởng với lời văn được đẽo gọt không những giàu sức tạo hình mà còn giàu có về nhạc điệu khi vang động, khi tha thiết, trang nghiêm.

**CHIẾC THUYỀN NGOÀI XA**

**(Nguyễn Minh Châu)**

1. Tác giả

- Là tác giả được coi là “người mở đường tinh anh và tài năng” của văn học Việt Nam thời kì đổi mới. Là nhà văn đầu tiên của thời kì đổi mới đã đi sâu khám phá sự thật đời sống ở bình diện đạo đức thế sự với cách nhìn đa diện.

2.Ý nghĩa nhan đề:

Nhan đề “Chiếc thuyền ngoài xa” là một ẩn dụ về mối quan hệ giữa cuộc đòi và nghệ thuật. Đó là chiếc thuyền có thật trong cuộc đời, là không gian sinh sống của gia đình người đàn bà hàng chài có trên chục đứa con. Cuộc sống khó khăn, lam lũ, nơi ở chật chội làm cho chồng chị thay đội tâm tính, trở nên cục cằn, thô lỗ và biến vợ thành đối tượng của những trận đòn. Những cảnh tượng, những thân phận đó nếu nhìn từ xa, nhìn ở ngoài sẽ không bao giờ thấy được.

Khi còn ở ngoài xa chiếc thuyền là biểu tượng của sự toàn mĩ, mà chiêm ngưỡng nó Phùng thấy tâm hồn mình “trong ngần”. Nhưng khi chiếc thuyền đâm thẳng vào bờ, chứng kiến cảnh người đàn ông đánh đập vợ tàn ác, anh sững sờ, ngạc nhiên. Anh nhận ra rằng cái đẹp ở ngoài xa kia cũng ẩn chứa nhiều oái oăm, ngang trái và nghịch lí, nếu không đến gần anh không thể nhận ra. Xa và gần, bên ngoài và bên trong…chính là cách nhìn, cách tiếp cận cuộc sống của nghệ thuât chân chính.

3. Tình huống truyện

- Đây là tình huống nhận thức. Các chi tiết chính của truyện đều định hướng “chuẩn bị” cho sự nhận thức mới mẻ ở Đẩu và Phùng.

- Phùng được giao nhiệm vụ đi thực tế để chụp bức ảnh đẹp về thuyền và biển. Nhờ sự kiên nhẫn anh đã chụp được cảnh một con thuyền lưới vó từ ngoài khơi xa trong bầu sương mờ. Anh “tưởng chính mình vừa khám phá cái chân lí của sự toàn thiện, khám phá thấy cái khoảnh khắc trong ngần của tâm hồn”. Nhưng khi chiếc thuyền đến chỗ anh đứng thì một cảnh nghịch lí của đời thường lộ rõ. Chiếc thuyền tuyệt đẹp ấy được thay thế bằng hình ảnh người đàn ông hùng hổ, thô bạo và người đàn bà cam chịu, nhẫn nhục, giàu đức hi sinh, biết nâng niu, quý trọng hạnh phúc gia đình. Cảm xúc của Phùng từ ngỡ ngàng, ngạc nhiên đến cảm thông rồi thấm thía. Niềm tin về cuộc đời ở Phùng bị lung lay, anh bắt đầu ngộ ra mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc đời: Nghệ thuật bắt nguồn từ cuộc sống, nhưng cuộc sống không phải lúc nào cũng là nghệ thuật, nghệ thuật chân chính phải luôn gắn với cuộc đời và vì cuộc đời, muốn vậy người nghệ sĩ phải hiểu đời. Sau chuyến đi thực tế đó, bức ảnh Phùng đem về được trưởng phòng ưng ý, tuy ảnh đen trắng, nhưng mỗi lần nhìn kĩ anh vẫn thấy “Cái màu hồng hồng của ánh sương mai và người đàn bà ấy bước ra từ tấm ảnh”. Điều đó chứng tỏ rằng chuyến đi thực tế ấy đã thay đổi cách nhìn đời của Phùng, anh có cái nhìn cuộc sống toàn diện, nhiều chiều hơn.

- Đẩu là người bạn chiến đấu năm xưa của Phùng, nay làm chánh án huyện. Anh mời người đàn bà đến tòa án để giúp chị ta giải quyết chuyện gia đình. Đẩu khuyên người đàn bà bỏ chồng để thoát khỏi nhũng trận đòn của gã chồng vũ phu. Đẩu nói với vẻ hào hứng của người bảo vệ công lí, anh tin thiện chí của mình sẽ thay đổi con đường đời của người phụ nữ khốn khổ. Nhưng thiện chí của anh đã bị người đàn bà phủ nhận, bởi anh nhầm. Anh chưa bao giờ thấu hiểu hết “nỗi vất vả của người đàn bà trên chiếc thuyền không có người đàn ông”. Kiến thức sách vở cùng với lòng tốt của anh đã bị lí lẽ thực tế của người đàn bà xô đổ. Chỉ đến khi nghe hết câu chuyện về cuộc đời của người đàn bà hàng chài, Đẩu mới có câu trả lời cho những câu hỏi anh đã đặt ra trước đây. Anh mới thấy rằng người đàn bà quê mùa, thất học ấy nhất quyết không bỏ chồng là vì thương con, quý trọng hạnh phúc gia đình “một cái gì vừa vỡ ra trong đầu vị Bao Công”. Vị chánh án vùng biển vỡ lẽ ra nghịch lí của cuộc sống.

- Qua những nhận thức về cuộc sống của Phùng và Đẩu, tác giả muốn bày tỏ quan điểm: Nghệ thuật phải gắn liền với cuộc sống, người nghệ sĩ cần phải có cái nhìn da diện, nhiều chiều để không chỉ đưa vào tác phẩm những nét đẹp bề ngoài mà còn có cả những đắng cay, bất hạnh ẩn khuất bên trong.

4. Hai phát hiện của người nghệ sĩ nhiếp ảnh về “chiếc thuyền ngoài xa”:

Để có một tấm lịch nghệ thuật về thuyền và biển theo yêu cầu của trưởng phòng, Phùng đã tới vùng biển từng là chiến trường cũ của anh, đã dự tính bố cục, đã “phục kích” mấy buổi sáng để “chộp” được một cảnh thật ưng ý.

- Phát hiện thứ nhất: đầy thơ mộng: Trên mặt biển mờ sương, anh bắt gặp một vẻ đẹp “trời cho” mà cả đời bấm máy có lẽ anh chỉ có diễm phúc bắt gặp được một lần … “bức tranh mực tàu của một danh họa thời cổ. Mũi thuyền in một nét mơ hồ lòe nhòe vào bầu sương mù màu trắng như sữa có pha đôi chút màu hồng hồng do ánh mặt trời chiếu vào”.

 Niềm hạnh phúc của người nghệ sĩ chính là cái hạnh phúc của khám phá và sáng tạo,của sự cảm nhận cái đẹp tuyệt diệu. Dường như anh đã bắt gặp cái tận Thiện, tận Mĩ, thấy tâm hồn mình như được gột rửa, trở nên thật trong trẻo tinh khôi bởi cái đẹp hài hòa, lãng mạn của cuộc đời.

- Phát hiện thứ 2: Bất ngờ và trớ trêu như trò đùa quái ác của cuộc sống. Anh đã chứng kiến từ chiếc thuyền ngư phủ đẹp như trong mơ ấy bước ra một người đàn bà xấu xí, mệt mỏi và cam chịu. Một lão đàn ông thô kệch, dữ dằn, độc ác, coi việc đánh vợ như một phương cách để giải tỏa những ấm ức, khổ đau.

 Anh cay đắng khi nhận ra những cái ngang trái, xấu xa của những bi kịch trong gia đình thuyền chài kia đã là thứ thuốc rửa quái đản làm những thước phim huyền diệu mà anh dày công chụp bỗng hiện hình thật khủng khiếp và ghê sợ.

 Hai phát hiện của người nghệ sĩ nhiếp ảnh về chiếc thuyền ngoài xa – vẻ bên ngoài và thực chất bên trong của nó thực ra là sự phát hiện tinh tế về cuộc sống đa chiều, phức tạp với những mặt khuất lấp mà thường ngày ta ít nhận ra.

 Điểm nhìn nghệ thuật: Cái nhìn ở xa – cái nhìn lãng mạn ta thấy cuộc sống hiện lên thật đẹp. Nhưng khi nhìn gần – nhìn vào chiều sâu – cái nhìn hiện thực ta thấy cuộc sống thật nhọc nhằn, phức tạp, đắng cay, đầy bi kịch và tàn nhẫn. Nó không đẹp, nó đầy nước mắt.

5. Câu chuyện của người đàn bà ở tòa án huyện

a. Hình tượng người đàn bà hàng chài

- Vẻ bề ngoài:

+ Xấu xí, thô kệch “trạc ngoài 40”, “cao lớn, thô kệch”,, “khuôn mặt rỗ, mệt mỏi, tái ngắt…”

+ Rách rưới, lam lũ “tấm lưng áo bạc phếch và rách rưới, nửa thân dưới ướt sũng”.

+ Cam chịu, đáng thương: khi bị chồng đánh “không hề kêu lên một tiếng, không chống trả, cũng không tìm cách chạy trốn”.

- Bên trong:

+ Vị tha, hi sinh và thương con: bị chồng thường xuyên hành hạ, đánh đập thật khốn khổ “ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng”, vẫn mà vẫn nhất quyết gắn bó với lão đàn ông vũ phu ấy, nhiều lần chị đã van xin “các chú đừng bắt tôi bỏ nó” chỉ đơn giản bởi trong cuộc sống mưu sinh đầy cam go trên chiếc thuyền kiếm sống ngoài biển xa cần có một người đàn ông khỏe mạnh và biết nghề, chỉ vì những đứa con của bà cần được sống và lớn lên.

+ Chắt chiu hạnh phúc đời thường, sâu sắc, trải nghiệm “vui nhất là lúc ngồi nhìn đàn con tôi, chúng nó được ăn no”, “ cũng có lúc vợ chồng con cái chúng tôi sống hòa thuận vui vẻ”…

 Thấp thoáng trong người đàn bà ấy là bóng dáng của biết bao người phụ nữ Việt Nam nhân hậu, bao dung, giàu lòng vị tha, đức hi sinh.

 Cuộc đời con người có những nghịch lí, không xuôi chiều. Không thể dễ dãi, đơn giản trong việc nhìn nhận mọi sự việc, hiện tượng của cuộc sống.

b. Câu chuyện ở tòa án huyện

- Câu chuyện về người chồng

+ Trước kia: Là một “anh con trai cục tính nhưng hiền lành”

+ Khi có gia đình: Vũ phu, độc ác. Cứ khi nào thấy khổ quá là lão đánh vợ, đánh như để giải tỏa uất ức, trút cho sạch nỗi bức bối buồn phiền “lão trút cơn giận như lửa cháy bằng cách dùng chiếc thắt lưng quật tới tấp vào lưng người đàn bà”  Thỏa mãn lòng ích kỉ.

+ Nguyên nhân:

• Cuộc sống nghèo đói vất vả.

• Không uống được rượu.

 Lão đàn ông “mái tóc tổ quạ”, “chân chữ bát”, “hai con mắt đầy vẻ độc dữ” vừa là nạn nhân của cuộc sống khốn khổ, vừa là thủ phạm gây nên bao đau khổ cho những người thân của mình.

- Thái độ của người đàn bà đối với chồng:

+ Thấu hiểu nguyên nhân biến chồng mình thành kẻ vũ phu, độc ác “Giá tôi đẻ ít đi hoặc chúng tôi sắm được một chiếc thuyền rộng hơn…”

+ Cảm thông, chia sẻ vì người chồng chỉ là nạn nhân của hoàn cảnh. Trong chuỗi ngày khổ đau ấy, người đàn bà vẫn nhận ra cái tốt đẹp, hiền lành của người chồng. Ở người chồng vũ phu ấy vẫn có một vài điểm sáng.

 Thủ pháp đối lập giữa ngoại hình và nội tâm, giữa số phận bất hạnh và tấm lòng nhân hậu, bao dung thương con hơn tất cả mọi thứ trên đời. Vì thương con người đàn bà ấy chấp nhận tất cả: sự đánh đập, đói khát, nhục nhã. Xuất phát từ tình thương con, người đàn bà ấy cho rằng “Phải sống cho con chứ không phải sống cho mình”. Triết lí giản dị mà sâu sắc. Nó được đúc kết từ chính cuộc đời nhọc nhằn, bất hạnh của một người mẹ mà tình thương con, nỗi đau, sự thấu hiểu lẽ đời không bao giờ để lộ ra ngoài. Người đàn bà ấy vừa đáng thương, vừa đáng trọng.

- Người đàn ông qua cách nhìn của Đẩu, Phùng và những đứa trẻ

+ Đẩu – chánh án huyện: Nhìn dưới góc độ pháp luật

\* Có biện pháp giáo dục răn đe người chồng vũ phu, độc ác nhưng không có kết quả. Anh đã khuyên người vợ nên li hôn để khỏi bị hành hạ, ngược đãi. Anh tin rằng giải pháp của mình là đúng. Nhưng người đàn bà chất phác, lam lũ đã bác bỏ.

\* Trước người đàn bà thất học, quê mùa, anh trở thành kẻ nông nổi, ngây thơ, anh đã vỡ ra những nghịch lí của đời sống “trên thuyền phải có một người đàn ông … dù hắn man rợ và tàn bạo”. Muốn con người thoát khỏi cảnh đau khổ tăm tối cần có những giải pháp thiết thực chứ không phải chỉ có thiện chí hoặc các lí thuyết đẹp đẽ nhưng xa rời thực tiễn.

+ Phùng: Nhìn dưới góc độ lí lịch, thành phần

\* Tốt bụng, cao thượng, nhưng cũng ít thực tế, anh đã đánh nhau với người đàn ông vũ phu độc ác để bảo vệ người đàn bà; anh lại bị định kiến xã hội chi phối “Lão ta trước hồi bảy nhăm có đi lính ngụy không?”.

\* Phẫn nộ trước thái độ cam chịu của người đàn bà “tôi cảm thấy gian phòng ngủ lồng lộng gió biển của Đẩu tự nhiên bị hút hết không khí, trở nên ngột ngạt quá”… Sau đó anh đã dịu đi với câu hỏi tò mò và cảm thông “Cả đời chị có một lúc nào thật vui không?”

\* Cuối cùng anh mới ngộ ra mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc đời.

+ Những đứa con: Nhìn bằng đôi mắt trẻ thơ, thơ ngây, thương mẹ và căm ghét bố.

\* Chị thằng Phác – một cô bé yếu ớt mà can đảm, đã vật lộn để tước con dao trên tay thằng em trai , không cho nó làm mọi việc trái với luân thường đạo lí. Trong lòng cô tan nát vì đau đớn: Bố điên cuồng hành hạ mẹ, vì thương mẹ mà thằng em định cầm dao ngăn bố…  Cô bé là diểm tựa vững chắc của người mẹ đáng thương. Cô đã hành động đúng khi cản được hành động dại dột của đứa em; lại biết chăm sóc lo toan khi mẹ phải đến tòa án huyện.

\* Thằng Phác: Rất thương mẹ, nó “tuyên bố với các bác ở xưởng đóng thuyền rằng nó còn có mặt ở dưới biển này thì mẹ nó không bị đánh”. Mặc dù khó chấp nhận kiểu bảo vệ mẹ của nó nhưng người đọc lại cảm động trước tình thương mẹ dạt dào “nó lặng lẽ đưa mấy ngón tay khẽ sờ trên khuôn mặt người mẹ, như muốn lau đi những giọt nước mắt chứa đầy trên những nốt rỗ chằng chịt”.

 Cái nhìn nhân văn của Nguyễn Minh Châu: Đằng sau người đàn bà thô kệch, ít học là cả một pho kinh nghiệm sống mà Đẩu, Phùng dù đi nhiều nhưng vẫn chưa có được.

4. Câu chuyện của người nghệ sĩ nhiếp ảnh về tấm ảnh đen trắng

Anh đen trắng: Màu hồng của ánh sương mai v người đàn bà lam lũ bước ra từ bức ảnh

 Ý nghĩa biểu tượng: Hãy rút ngắn khoảng cách giữa nghệ thuật và hiện thực. Nếu nghệ sĩ mang trái tim có tình yêu sâu nặng với con người, anh ta cần phải trung thực, dũng cảm nhìn thẳng vào hiện thực, trước hết phải nhìn vào số phận con người. Nghệ thuật luôn phải gắn bó với cuộc đời, không thể tách rời cuộc đời. Thực chất câu chuyện là một chuỗi những phát hiện lí thú của Nguyễn Minh Châu về hiện thực cuộc sống , con người và nghệ thuật.

**HỒN TRƯƠNG BA, DA HÀNG THỊT**

**Lưu Quang Vũ**

I. KIẾN THỨC TÁI HIỆN

1. Cuộc đời và sự nghiệp của Lưu Quang Vũ

Lưu Quang Vũ là một cây bút tài hoa đã để lại dấu ấn trong nhiều thể loại: thơ, văn xuôi, đặc biệt là kịch. Thiên hướng và năng khiếu nghệ thuật của LQV sớm bộc lộ từ nhỏ và vùng quê Bắc Bộ đã in dấu nhiều trong sáng tác của ông sau này. Ở thể loại nào người đọc cũng bắt gặp một LQV với tâm hồn nổi gió, sức sống mãnh liệt và khả năng sáng tạo miệt mài.

2. Nhan đề

Nhan đề Hồn Trương ba, da hàng thịt gợi cảm giác về độ vênh lệch của hai yếu tố quan trọng trong một con người. Hồn là phần trừu tượng, da thịt thân xác là cái cụ thể, là cái bình có thể chứa linh hồn, hồn nào xác ấy. Nhưng ở đây hồn người người này lại ở trong xác người kia. Hồn và xác lại không tương hợp; tính cách, hành động, lối sống của Trương Ba và anh hàng thịt trái ngược nhau. Tên gọi của vở kịch đã thâu tóm được những mâu thuẫn, xung đột bên trong của một con người.

3. Câu nói của Hồn Trương Ba: “Không thể bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo được. Tôi muốn được là tôi toàn vẹn” có ý nghĩa như thế nào ?

- Câu nói cho thấy nỗi đau khổ, giằng xé của Hồn Trương Ba trước hoàn cảnh hiện tại của bản thân.

- Câu nói cũng cho thấy khát vọng mãnh liệt được sống với ý nghĩa đích thực. được sống làm người thật quý giá, nhưng được sống đúng là mình, sống trọn vẹn với những giá trị mình vốn có và còn theo đuổi quý giá hơn.

- Câu nói còn thể hiện một tư tuởng triết học sâu sắc: nó phản ánh đòi hỏi sự thống nhất giữa nội dung và hình thức, giữa tư tưởng và biểu hiện hành động.

II. NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

ĐỀ 1

Trong vở kịch có lời thoại “Không thể bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo được. Tôi muốn được là tôi toàn vẹn”. Hãy phân tích tình huống éo le của Hồn Trương Ba trong xác anh hàng thịt để làm sáng tỏ lời thoại trên.

- Hồn Trương Ba, da hàng thịt là một trong những truyện hay trong kho tàng truyện cổ tích Việt Nam. Lưu Quang Vũ đã dựa vào cốt truyện này để viết thành vở kịch nói cùng tên vào năm 1981 và được trình diễn lần đầu tiên vào năm 1984.

- Vở kịch đặt ra vấn đề, đó là bi kịch sống nhờ của Hồn Trương Ba trong xác anh hàng thịt.

- Lời thoại trên là lời của Hồn Trương Ba nói với Đế Thích, có ý nghĩa triết lý về sự thống nhất, hài hòa giữa hồn và xác trong một con người.

+ Tình huống éo le, bi đát

- Nguyên nhân dẫn đến tình huống éo le: việc gạch tên chết người vô trách nhiệm của quan nhà trời và “thiện ý sửa sai” của Đế Thích.

- Nỗi khổ của Hồn Trương Ba khi phải sống nhờ vào xác anh hàng thịt: vợ con nghi ngờ, xa lánh; do sự xui khiến của thân xác hàng thịt, Hồn Trương Ba có những hành vi, cử chỉ thô lỗ, vụng về.

- Hồn Trương Ba cương quyết không sống trong xác anh hàng thịt. Khát vọng giải thoát khỏi thân xác người khác khiến Hồn Trương Ba gọi Đế Thích lên để nói rõ bi kịch sống nhờ, sống không đúng mình.

+ Ý nghĩa của lời thoại

- Lời thoại này thể hiện rõ quan niệm về hạnh phúc của tác giả. Hồn Trương Ba đã có một thân xác để tồn tại, để tiếp tục sống, ngỡ đó là hạnh phúc. Nhưng hóa ra hạnh phúc ở đời không phải là được sống mà sống như thế nào.

- Bức thông điệp mà Lưu Quang Vũ muốn nhắn gửi qua bi kịch của Trương Ba: con người phải được sống như chính mình, sống hòa hợp giữa hồn và xác – tâm hồn trong sạch như thân xác được khỏe mạnh. “Tôi muốn là tôi toàn vẹn”, đấy mới là hạnh phúc.

- Qua tình huống éo le, qua lời thoại của nhân vật, đã thể hiện quan niệm sống giàu giá trị nhân văn.

- Nhà văn đã dựng lên được những kịch tính thông qua cử chỉ, hành động, đặc biệt là lời thoại của nhân vật sinh động có tầm khái quát ca

- Lời thoại của Trương Ba “Không thể bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo được. Tôi muốn được là tôi trọn vẹn” là một câu nói giàu tính triết lý, cũng lại là bi kịch cho số phận của một con người.

\* Thông điệp của tác giả

- Ý nghĩa nhân sinh: Quan niệm về hạnh phúc, về lẽ sống, về cái chết

+ Con người là một thể thống nhất, hồn và xác phải hài hòa. Không thể có một tâm hồn thanh cao trong thân xác phàm tục, tội lỗi.

+ Hạnh phúc chân chính của con người là được sống thật với mình và với mọi người.

+ Ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn của con người trong cuộc đấu tranh chống lại sự dung tục, giả tạo để bảo vệ quyền được sống toàn vẹn, hợp với lẽ tự nhiên cùng sự hoàn thiện về nhân cách. Lương tâm, đạo đức sẽ chiến thắng bản năng…

- Ý nghĩa phê phán: Phê phán những hiện tượng tiêu cực trong xã hội

+ Thói chạy theo những ham muốn tầm thường về vật chất, chỉ thích hưởng thụ, trở nên phàm phu, thô thiển.

+ Những biểu hiện của chủ nghĩa duy tâm, của sự lười biếng khi lấy cớ coi trọng đời sống tinh thần mà không chăm lo thích đáng đến sinh hoạt vật chất, không phấn đấu vì hạnh phúc trọn vẹn.

+ Tình trạng con người phải sống giả, không dám và không được sống thật với bản thân mình là nguy cơ đẩy con người đến chỗ tha hóa do danh và lơi.